

PHÂN TÍCH VÀ CẢM NHẬN VỀ NHÂN VẬT THỊ TRONG TÁC PHẨM VỢ NHẬT CỦA NHÀ VĂN KIM LÂN

1. Dàn ý phân tích nhân vật Thị của Kim Lân

a. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả Kim Lân: là cây bút chuyên viết Truyện ngắn, ông am hiểu sâu sắc đời sống của người nông dân và thường tập trung viết về họ.

- Vợ nhặt là một trong số những truyện ngắn đặc sắc viết về người nông dân của ông. Nhân vật đóng vai trò quan trọng trong tác phẩm này chính là người vợ nhặt.

b. Thân bài:

- Lai lịch:

+ Không có quê hương gia đình: có thể thấy nạn đói năm 1945 đã khiến biết bao con người bị dứt khỏi quê hương, gia đình.

+ Tên tuổi cũng không có và qua tên gọi “vợ nhặt”: thấy được sự rẻ rúng của con người trong cảnh đói.

- Chân dung:

+ Ngoại hình: quần áo tả tơi như tổ đũa, gày sọp, khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn hai con mắt.

+ Lần thứ nhất: khi nghe câu hò vui của Tràng, Thị đã vui vẻ giúp đỡ, đây chính là sự hồn nhiên vô tư của người lao động nghèo.

+ Lần thứ hai:

- Thị sừng sĩa mắng Tràng, từ chối ăn trầu để được ăn một thứ có giá trị hơn, khi được mời ăn tức thì ngồi sà xuống, mắt sáng lên, “ăn một chặp bốn bát bánh đúc”.
- Khi nghe Tràng nói đùa “đằng ấy có về với tớ cùng về”, Thị đã theo về thật bởi trong cái đói khổ, đó là cơ hội để Thị bầu vịu lấy sự sống.

- Phẩm chất:

+ Quyết định theo Tràng về làm vợ dù không biết về Tràng, chấp nhận theo không về không cần sính lễ vì Thị sẽ không phải sống cảnh lang thang đầu đường xó chợ.

+ Khi đến nhà thấy hoàn cảnh nghèo khổ, trái ngược lời tuyên bố “rích bố cu”, Thị “nén một tiếng thở dài”, dù ngao ngán nhưng vẫn chịu đựng để có cơ hội sống.

c. Kết bài:

- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật.

- Ý nghĩa của văn bản.

2. Cảm nhận về Thị trong truyện ngắn Vợ Nhặt

Kim Lân là nhà văn của làng quê Việt Nam với cách viết chân chất, mộc mạc và những hình ảnh nhân vật điển hình cho làng quê. Văn của Kim Lân đi sâu vào lòng người đọc bởi tình cảm bình dị, rất đời thường nhưng chan chứa nghĩa tình. Tác phẩm “Vợ nhặt” là một “kiệt tác” của văn học hiện thực Việt Nam, tái hiện thành công xã hội nghèo khổ, cùng cực, bế tắc của người nông dân. Bằng bút pháp tả thực Kim Lân đã xây dựng thành công tuyến nhân vật đại diện cho cuộc sống bần cùng giai đoạn đó. Đó là nhân vật người vợ.

Truyện ngắn “Vợ nhặt” của Kim Lân ra đời trong thời kỳ đất nước đang rơi vào nạn đói năm 1945, đời sống nhân dân bần cùng, kẻ sống người chết, người chết như ngã rạ, không buổi sáng nào người trong làng đi chơi, đi làm đồng không gặp ba bốn cái thây nằm còng queo bên đường. Không khí bốc lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người”. Tác phẩm như đã tái hiện lên khung cảnh lúc đó, ở một xóm nghèo nhỏ, người dân sống cực khổ quanh năm, lại thêm cảnh chen ép bắt đống thuế nhọc nhằn sao kể xiết.

Trận đói đang diễn ra vô cùng khủng khiếp. Người chết đói như ngã rạ. Quạ bay vù lên như những đám mây đen trên nền trời. Đoàn người chạy đói từ những vùng Nam Định, Thái Bình đội chiếu lũ lượt như những bóng ma xanh xám, nằm ngổn ngang khắp lề chợ. Mùi gây của xác người. Thị cũng chạy đói “ngồi vêu ra” cùng mấy chị con gái nơi cửa nhà kho. Không họ tên, không rõ quê quán, tuổi tác. Chắc cha mẹ, anh chị em đã chết đói cả rồi? Cái đói đã cướp đi của tất cả. Lần đầu nghe Tràng hò “muốn ăn cơm trắng mấy giò...”, Thị bị mấy cô bạn “đẩy vai”. Thị “cười như nắc nẻ” cong cớn nói với Tràng: “Này nhà tôi ơi, nói thật hay nói khoác đấy?”. Thị “liếc mắt cười tít” làm cho anh cu Tràng “thích lắm”. Lần sau, Thị gặp lại Tràng thì đã thay đổi hẳn. Áo quần rách tả tơi như tổ đũa. Thị gầy sọp đi. Khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt. Dưới chân Thị là vực thẳm, là chết đói! Thị “sửng sĩa” trách Tràng là “điều”, “leo lẻo cái mồm hện xuống thế mà mắt mặt!”. Thấy Tràng vỗ vào cái túi khoe “rích bố cu”, hai con mắt “trùng hoáy” của Thị tức thì sáng lên. Thị “đon đả” với anh cu Tràng: “Ăn thật nhá!”. Thị đã ăn liền một chặp bốn bát bánh đúc rồi thờ, khen: “Hà, ngon!”. Cũng biết đùa, biết trêu gai như phần đông các cô gái khác, nói với Tràng rất lẳng lơ: “Về chị ấy thấy hột thì bỏ bố!”. Chỉ một câu nói tầm phào của Tràng “làm đêch gì có vợ...”, thế là Thị theo về ngay, “Thị về thật”. Khi đứng trong cái nhà “vắng teo... rúm rỏ” của mẹ con Tràng, Thị đảo mắt nhìn xung quanh, thất vọng “cái ngực gầy lép nhô hẳn lên, nén một tiếng thờ dài”.

Mở đầu truyện ngắn, tác giả đã phác họa hình ảnh nhân vật anh cu Tràng “hắn bước đi ngật ngưỡng, vừa đi vừa tũm tĩm cười, hai bên quai hàm bạnh ra...” Chỉ với vài chi tiết đó, người đọc cũng đã hình dung được diện mạo xấu xí của một anh nông dân nghèo rách mồng tơi. Từ ngày nạn đói hoành hành, đám trẻ con không buồn trêu tràng nữa, vì chúng đã không còn sức lực. Bởi cuộc sống quá khó khăn, đói kém con người ta trở nên càng mệt mỏi, chán nản, từ già trẻ, gái trai đều đem sự khắc khổ của đời mà ghim vào những nếp nhăn, nếp chân chim, và làn da rám nắng, thân thể gầy gò quắt queo. Trong khung cảnh chiều tà, suy nghĩ của Tràng được tái hiện “hắn bước đi từng bước mệt mỏi, cái áo nâu tàng vất sang một bên cánh tay. Hình như những lo lắng, cực nhọc đè nặng lên cái lưng gấu của hắn”. Và bỗng một hôm hắn dắt về một người đàn bà lạ hoắc không một ai trong xóm nhỏ quen biết. Dưới ngòi bút miêu tả của nhà văn đầy ám ảnh “Thị cắp cái thúng con, đầu hơi cúi xuống, cái nón rách tàng nghiêng nghiêng che khuất đi nửa mặt. Thị có vẻ rón rén, e thẹn”. Một người đàn bà nghèo khổ, không còn thứ gì giá trị đi cạnh một người đàn ông nghèo khổ, cùng cực đúng là một đôi trời sinh. Tưởng chừng Thị là một người phụ nữ táo bạo vô duyên nhưng thực chất cũng vô cùng e lệ và suy nghĩ như một người phụ nữ. Cắp thúng con theo Tràng về, nàng dâu mới cũng bên lên theo sau, khi bị trêu chọc cũng e thẹn như bao nàng dâu mới khác. Về đến nhà, khi được Tràng mời ngồi Thị chỉ ngồi mớm ở giường, tay vân vê và bộ mặt lộ rõ vẻ đầy lo lắng. Chắc có lẽ Thị nghĩ về cuộc sống mới của hai vợ chồng, rồi cuộc đời của Thị sẽ đi đến đâu.

Phía sau tình cảnh trôi dạt, vất vưởng, người “vợ nhặt” lại có một lòng ham sống mãnh liệt. Thị đồng ý theo Tràng là vì để được sống chứ không phải là loại đàn bà con gái lẳng lơ. Thị bất chấp tất cả để được ăn, ăn để được tồn tại. Đó là ý thức bám lấy sự sống. Khi anh cu Tràng hay đùa, lại đùa “có muốn theo tớ về nhà thì ra khuôn đờ lên xe rồi ta cùng về”. Thị không trả lời mà lặng lẽ theo Tràng về, Thị đã gián tiếp đồng ý, một sự đồng ý không hề có sự băn khoăn hay phân vân gì cả, dường như chuyện dựng vợ gả chồng trở nên dễ dàng

và rẻ rúng hơn bao giờ hết. Cái giá của người phụ nữ ít nhất cũng là “Ba trăm một mụ đàn bà/ Mua về mà trải chiếu hoa cho ngồi”. Ở đây, Thị đã “đại hạ giá” xuống còn bốn bát bánh đúc, hai hào dầu, một thúng con. Thị nào có biết Tràng là ai, tốt xấu như thế nào, quê quán, gốc tích ra sao? Chỉ một câu hò bằng quơ và mấy bát bánh đúc là Thị đã theo về làm vợ anh Tràng. Phải chăng Thị theo Tràng chỉ vì miếng ăn? Thị dễ dàng, hời hợt thế ư? Thực ra hành động theo Tràng của Thị xuất phát từ lòng khao khát được sống. Khi đã cận kề cái chết, người đàn bà không hề buông xuôi sự sống. Trái lại, Thị vẫn vượt lên trên cái thảm đạm để dựng xây mái ấm gia đình. Tinh thần lạc quan yêu sự sống của Thị chính là một phẩm chất rất đáng quý. Nói như Kim Lân: “Khi viết về con người năm đói người ta hay nghĩ đến những con người chỉ nghĩ đến cái chết. Tôi muốn viết một truyện ngắn với ý khác. Trong hoàn cảnh khốn cùng, dù cận kề bên cái chết nhưng những con người ấy không nghĩ đến cái chết mà vẫn hướng tới sự sống, vẫn hi vọng, tin tưởng ở tương lai”.

Thị cũng biết xấu hổ, ngượng ngùng như bao cô gái lần đầu về nhà chồng. Trên đường về nhà cùng Tràng, khi biết mọi người xung quanh đang nhìn mình, Thị “ngượng nghịu chân nọ bước vói cả vào chân kia”. Đằng sau vẻ ngoài rách rưới, xấu xí, Thị cũng có lòng tự trọng. Thị hiểu vì sao người ta nhìn mình và xì xào bàn tán. Giữa cái đói khát, khi tình yêu là thứ xa xỉ, họ lại dặt dứu nhau về để rồi “biết có qua nổi cái thì này không”. Khi về đến nhà, Thị chỉ dám “ngồi mớm ở mép giường, hai tay ôm khư khư cái thúng, mặt bần thần”. Đứng trước mặt mẹ chồng, Thị chỉ dám “cúi mặt xuống, tay vịn vè tà áo đã rách bợt” ngay cả khi nghe bà cụ Tứ bảo ngồi xuống, “Thị vẫn khép nép đứng nguyên chỗ cũ”. Và người đọc có lẽ đã phải ồ lên đầy ngạc nhiên trước hành động “củng tay vào trán” Tràng và mắng yêu: “chỉ được cái thế là nhanh. Do!”. Thị giường như đã biến thành con người khác hẳn, giống như thiếu nữ e lệ mới về nhà chồng mà không phải người đàn bà chao chát, đanh đá, chua ngoa ban đầu nữa.

Không chỉ làm tròn trách nhiệm của một người vợ, một người con dâu trong gia đình, nhân vật người vợ nhặt còn là một người phụ nữ cam chịu, hi sinh và có lòng cảm thông sắc. Theo một người đàn ông xa lạ về nhà, Thị hi vọng có nơi bấu víu để vượt qua cơn đói khát. Thế nhưng, khi về tới nhà Tràng, nhìn gia cảnh của mẹ con hắn, Thị không khỏi cất tiếng thở dài thất vọng. Điều đó khiến Thị không khỏi thất thần, buồn bã trước hoàn cảnh mới, trước số phận trớ trêu của mình. Mặc dù vậy, Thị đã không bỏ đi, tình nghĩa, sự cam chịu níu giữ chân Thị ở lại cùng với mẹ con Tràng hướng về tương lai tốt đẹp hơn. Bữa cơm đầu tiên thăm đạm với niêu cháo mà mỗi người có hai lưng bát đã hết nhẵn. Khi mẹ chồng múc cho Thị bát cháo cám, “hai con mắt tối sầm” nhưng “Thị vẫn điềm nhiên và vào miệng”. Thị hòa mình vào cuộc sống gia đình. Bát cháo cám đắng chát trong cổ khiến Thị không khỏi tủi hờn nhưng Thị không hề tỏ ra thất vọng hay chán nản bởi Thị hiểu hoàn cảnh của gia đình chồng. Có lẽ, hơn ai hết, Thị hiểu rằng, chính hai con người nghèo khổ kia đã không ngại đói nghèo mà cứu mang, che chở mình, đối với Thị, họ là ân nhân, là người Thị mang ơn. Và cũng có thể, nếu không có Tràng và bà cụ Tứ, ngay cả cháo cám Thị cũng không có để ăn, phải chết đói nơi đầu đường, xó chợ.

Tóm lại, người vợ nhặt là một sáng tạo của Kim Lân. Thông qua nhân vật này, nhà văn đã thể hiện một ý nghĩa nhân văn cao đẹp. Con người ta dù sống trong hoàn cảnh khốn cùng nào cũng sẽ luôn hướng về tương lai và không bao giờ mất đi niềm tin vào sự sống. Thông qua hình ảnh nhân vật Thị nhà văn như phanh phui, lột trần bộ mặt thối nát của bọn thực dân và bọn cường quyền lộng hành, chính vì tội ác của chúng mà làm thân phận con người chỉ đáng vài bát bánh đúc, chính chúng là thủ phạm hủy hoại tương lai của biết bao con người. Chính Thị là một hình tượng mà nhà văn Kim Lân đã dựng lên để nói với nhân dân và bè lũ độc ác kia rằng người phụ nữ Việt Nam nói riêng và nhân dân Việt Nam nói chung không bao giờ từ bỏ sự sống ở bất cứ hoàn cảnh nào.

3. Bình giảng nhân vật Thị trong tác phẩm Vợ Nhặt

Kim Lân là một trong số ít những nhà văn thành công khi viết về cái nghèo, cái đói để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả. Khi viết về cái đói, Kim Lân không dừng lại ở việc khơi gợi lòng thương cảm, xót xa mà còn tạo ra một nỗi ghê sợ, ám ảnh về sức mạnh hủy diệt của nó đối với nhân phẩm và thể xác con người. Tuy nhiên, với thông điệp “Hãy tin ở con người”, hầu hết nhân vật của Kim Lân, đến cuối truyện luôn tìm về với bản chất tốt đẹp, đáng quý của mình. Đại diện cho kiểu nhân vật này, chúng ta có thể kể đến người vợ nhặt trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn. Đây là nhân vật bị cái đói xui khiến, sẵn sàng vứt bỏ tự tôn, nhắm mắt đưa chân theo người xa lạ vì một miếng ăn. Nhưng, ở đâu đó trong con người Thị vẫn luôn tồn tại những phẩm chất đáng trân trọng của một người phụ nữ truyền thống: đảm đang, biết vun vén gia đình và cũng đầy tình tế, ý nhị.

Trước hết, hình ảnh người vợ nhặt hiện lên là một “người phụ nữ nghèo, cùng đường và liều lĩnh”. Vì đói mà sẵn sàng bắt chấp cả thể diện để có được miếng ăn để sống được qua ngày. Ẩn sau cái vẻ ngoài bất cần ấy Thị là một người đầy “nữ tính và giàu khát vọng”. Điều này đã góp phần tôn vinh vẻ đẹp của người phụ nữ và lòng ham sống, khát vọng sống vươn lên hướng đến ánh sáng ngày mai. Tất cả những điều này đã mang đến cho người đọc cái nhìn đúng đắn về người vợ nhặt nạn nhân của nạn đói năm 1945.

Lần đầu tiên gặp Tràng, chỉ vì một câu “hò cho đỡ nhọc” của Tràng: “Muốn ăn cơm trắng mấy giò/ Lại đây mà đẩy xe bò với anh”, Thị đã cong cớn bám lấy rồi “vùng đứng dậy” đẩy xe cho Tràng. Lần thứ hai, Thị đến trước mặt Tràng “sưng sứa” “nhắc chuyện cũ”. Sau đó, Thị lại không ngại ngùng “ngồi sà xuống ăn một chập bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì”. Trong con mắt của chúng ta, Thị sao mà vô duyên, tro trên quá. Thị hành động theo bản năng sinh tồn, cái đói làm mờ nhân phẩm Thị. Thậm chí, đến cả việc lấy chồng, theo một người đàn ông về nhà chung sống cả đời Thị cũng quyết định hoàn toàn theo bản năng. Vin vào câu nói bông đùa của Tràng: “Này nói đùa chứ, có về ở với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về” mà “Thị về thật”. Không cần mai mối, không cần cưới hỏi, không cần mâm cao cỗ đầy, Thị theo không Tràng với hy vọng có miếng ăn.

Tuy nhiên, Thị đáng thương hơn đáng trách. Vẫn biết Thị tự bán rẻ nhân cách, hạ thấp nhân phẩm của mình, lấy chồng theo cái cách đầy mỉa mai và chua xót, được người ta nhặt về như món đồ rơi. Thế nhưng, tự chung lại cũng vì cái đói bức bách làm khát vọng sống, bản năng sinh tồn trỗi dậy trong con người Thị. Thị giống như người đang chới với giữa dòng nước lũ, chỉ một cánh tay đưa về phía mình thì dù nó nhỏ bé, yếu đuối cũng mang lại một niềm hi vọng được sống. Việc Thị cố gắng dùng mọi cách nắm lấy bàn tay kia vốn không sai, không đáng xấu hổ. Rất nhiều bậc nam nhi “đội trời đạp đất” giữa sống và chết cũng sẽ lựa chọn như vậy, huống chi Thị chỉ là một người phụ nữ bình thường.

Khi trở về nhà, hình ảnh bà cụ Tứ, mẹ Tràng được Kim Lân khắc họa diễn biến và sự chuyển đổi trong tâm tính thật tài tình và sâu sắc. Người đọc sẽ hiểu hơn tấm lòng một người mẹ bao dung và hiền hậu. Chi tiết “bà lão pháp phồng bước theo con vào nhà, đến giữa sân bà sững lại vì thấy có một người đàn bà ở trong...”. Sự băn khoăn lo lắng của bà cụ bắt đầu hiện lên. Nhưng rồi bà cũng nhận ra, cũng hiểu “bà lão cúi đầu nín lặng, bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán, vừa xót xa cho số kiếp con mình. Chao ôi người ta dựng vợ gả chồng cho con là trong lúc làm ăn nên nỗi, còn mình...”.

Những suy nghĩ chua xót của bà lão được Kim Lân diễn tả qua một loạt động từ tình thái khiến cho cái khổ, cái đói lại vô vấp và hiển hiện rõ ràng hơn bao giờ hết. Thế nhưng vì thương con, lại một chữ “thương” mà bỏ qua tất cả để người mẹ chấp nhận cuộc sống vất vả, khổ cực có thêm một miếng ăn và bà cũng thương cả hai con người trẻ tuổi trước mặt mình: “Bà lão nhìn người đàn bà, lòng đầy thương xót. Nó bây giờ là con dâu trong nhà rồi”.

Có hai tình huống xảy ra mà khiến độc giả có lẽ không cảm được nước mắt, đó là khi nhà ăn bữa cơm đầu tiên đón nhận thành viên mới và lúc bà mẹ già bụng nồi “chè khoán” nghi ngút khói ra đặt cạnh mâm cơm. Trong cái thời nạn đói, người chết như rạ ấy thì một bữa cơm đúng nghĩa quả thực rất khó để có trong một gia đình như của Tràng.

Bữa cơm bao gồm “giữa cái mệt rách có độc một lùm rau chuối thái rối, một đĩa muối ăn với cháo, nhưng cả nhà ăn đều rất ngon lành”. Thật sự là nghèo khó đến bần cùng cạn kiệt. Người vợ vẫn ăn mà không một câu than phiền. Xuất thân của Thị cũng có hơn gì ai. Thị cũng nghèo khó, gầy gò và vì tình thương mà đến làm vợ, làm con dâu nhà người ta. Thị cũng là một người vô cùng đảm đang và tháo vát. Khi về nhà Tràng, buổi sáng sớm tinh mơ, Thị đã dậy sớm để cùng bà dọn dẹp và sửa sang lại căn nhà vườn tược. Dường như Thị muốn vun vén cuộc sống của gia đình và bắt đầu một cuộc sống mới. Thị cũng rất vui tính và hòa nhập nhanh với cuộc sống mới. Trong bữa ăn, Thị kể nhiều câu chuyện, có cả câu chuyện cướp kho thóc Nhật, từ đó dấy lên bao niềm khát khao hi vọng tự do của những người dân nghèo khó. Một bữa cơm đón dâu nghèo nàn đến đáng thương.

Tình huống khiến người đọc nhớ mãi, hình ảnh khiến người đọc khi nhắc đến tác phẩm này đều không quên là hình ảnh “nồi cháo cám” trong buổi bữa cơm đón dâu đầu tiên. Hình ảnh “nồi cháo cám” là hiện thân của cái đói nghèo đến cùng cực trong một gia đình “không còn gì giá trị nữa”. Ai cũng muốn có một bữa cơm đón dâu có mâm cao, cỗ đầy trong ngày rước dâu nhưng gia cảnh nghèo nàn, “nồi cháo cám” là thứ duy nhất đọng đầy yêu thương bà Tứ có thể mang lại cho con. Và có lẽ trong thâm tâm người ‘vợ nhặt’ cảm thấy xúc động thêm thương xót cho những con người trong gia đình này. Hoá ra cái danh đá, trở trên trước kia ở người đàn bà Tràng lấy làm vợ chẳng qua là do đói do khát mà ra.

Nhiều người cho rằng ở truyện ngắn Vợ nhặt; nhân vật bà cụ Tứ, người mẹ nhân hậu và từng trải khiến người đọc xúc động nhất. Điều ấy quả không sai, nhưng đọc đến những dòng chữ cuối cùng thì điều ám ảnh tâm trí người đọc lại là hình ảnh người vợ nhặt của anh Tràng. Bằng nghệ thuật miêu tả chân thực, sinh động và tinh tế, nhà văn Kim Lân đã khắc họa thành công hình ảnh người vợ nhặt người đàn bà vô danh.

Đây là một nhân chứng có ý nghĩa tố cáo, lên án tội ác tày trời của Nhật Pháp đã gây ra nạn đói khủng khiếp đẩy nhân dân ta vào cảnh làm than, không được sống đúng nghĩa là một con người. Qua tác phẩm Vợ nhặt, nhà văn Kim Lân gián tiếp khẳng định: Trong đói khổ, hoạn nạn, kề bên cái chết, những con người nghèo khổ nếu biết dựa vào nhau, san sẻ vật chất và tình thương cho nhau thì chính là vừa tự cứu mình, vừa cứu người. Những con người như vậy nhất định phải được sống ấm no, hạnh phúc.

4. Suy nghĩ của em về Thị của nhà văn Kim Lân

Vợ nhặt là tác phẩm đặc sắc, tiêu biểu nhất trong sự nghiệp sáng tác của nhà văn Kim Lân. Nội dung truyện kể về anh Tràng ở xóm ngụ cư, làm nghề kéo xe bò thuê. Giữa trận đói kinh hoàng nuôi thân còn khó, thế mà bất ngờ, anh dám đèo bồng thêm cô vợ nhặt. Kim Lân đã sáng tạo ra tình huống nhặt vợ rất độc đáo, đồng thời vận dụng ngôn ngữ bình dân tự nhiên, mộc mạc để khắc họa tính cách của từng nhân vật. Từ bà cụ Tứ đến anh Tràng và người vợ nhặt, nhân vật nào cũng sinh động và chân thực.

Ngay cái tên truyện là Vợ nhặt cũng gợi cho người đọc nhiều liên tưởng thú vị. Nhân vật vợ nhặt được tác giả miêu tả rất tinh tế, phù hợp với diễn biến tâm trạng ở từng tình huống khác nhau. Chị đã đem lại niềm vui ấm áp và hạnh phúc gia đình cho mẹ con Tràng trong cảnh ngộ mấp mé giữa sự sống và cái chết. Vì thế nhân vật này chứa đựng ý nghĩa nhân văn sâu sắc, góp phần hoàn thiện giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm.

Trước khi trở thành vợ Tràng, thị là một người phụ nữ ăn nói chông lòn, táo bạo và liều lĩnh. Lần gặp đầu tiên, thị chủ động làm quen ra đẩy xe bò cho Tràng và “liếc mắt cười tít” với

Tràng. Lần gặp thứ hai, thị “sầm sập chạy tới”, “sưng sĩa nói” và lại còn “đứng cong cớn” trước mặt Tràng. Đã vậy, Thị còn chủ động đòi ăn. Khi được Tràng mời ăn bánh đúc, Thị đã cúi gằm ăn một mạch bốn bát bánh đúc. Ăn xong còn lấy đũa quẹt ngang miệng và khen ngon... Trong đói khát cùng cực, thị gần như đánh mất đi nhân cách, sự tế nhị của con người.

Về đến nhà, trông nếp nhà rọ rọ của Tràng, thị nén tiếng thở dài, tiếng thở dài chấp nhận bước vào cuộc đời của Tràng. Tiếng thở dài thất vọng vì hoàn cảnh của Tràng cũng chẳng có gì khác hơn thị. Tràng đau chỉ nghèo mà còn có mẹ già, còn phải lo toan, biết có mưu mang thị nổi hay không, hay có thể sẽ khiến cuộc đời của thị thêm khổ. Hành động khép nép, tay vân vê tà áo khi đứng trước mặt bà cụ Tứ, thị thật đáng thương. Ở sâu thẳm bên trong con người này vẫn có một niềm khát khao mái ấm gia đình thực sự, bởi thế thị quyết định gắn kết với tràng, trở thành một phần trong gia đình, bất chấp ngày mai ra sao.

Sau đêm tân hôn, người phụ nữ ấy có sự thay đổi hoàn toàn về tâm trạng và tính cách. Thị dậy rất sớm cùng mẹ chồng dọn dẹp, thu vén nhà cửa. Sự thay đổi ấy người đọc cũng dễ nhận ra: nếu hôm qua Thị chua ngoa, đanh đá, chông lòn bao nhiêu thì hôm nay thị lại hiền lành bấy nhiêu. Hơn ai hết, Tràng cảm nhận đầy đủ sự thay đổi tuyệt vời ấy: “Tràng nom thị hôm nay khác lắm, rõ ràng là người đàn bà hiền hậu, đúng mực không còn vẻ gì chao chát, chông lòn như những lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh”. Câu văn này đã ghi lại cảm xúc chân thật của Tràng trước sự đổi thay tích cực của vợ. Phải chăng tình yêu đích thực với sức nhiệm màu diệu kì đã có sức cảm hóa với thị.

Trong bữa cơm đầu tiên tại gia đình chồng, dù bữa ăn chỉ có “niêu cháo lũng bống, mỗi người được lưng hai bát đã hết nhẵn”, lại phải ăn cháo cám nhưng Thị vẫn vui vẻ, bằng lòng. Thị đã đem sinh khí, thông tin mới mẻ về thời cuộc cho mẹ con Tràng. Nghe tiếng trống thúc thuế, thị nói với mẹ chồng: “Trên mạn Thái Nguyên, Bắc Giang người ta không chịu đóng thuế nữa đâu. Người ta còn phá cả kho thóc của Nhật chia cho người đói nữa đấy”. Sự hiểu biết này của thị như đã giúp Tràng giác ngộ về con đường phía trước mà anh sẽ lựa chọn “trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói âm âm đi trên đê Sộp, phía trước có lá cờ đỏ to lắm”. Qua đó, ta thấy nhân vật vợ Tràng, “nàng dâu mới” cũng là Người truyền tin cách mạng.

Nhân vật người vợ nhật được Kim Lân đặt vào tình huống hết sức độc đáo, từ đó nhân vật bộc lộ tâm trạng, cách hành xử của bản thân. Nhân vật được tập trung khắc họa ở cử chỉ, hành động qua đó làm bật lên vẻ đẹp của người vợ nhật.

Bằng ngòi bút tin yêu và trân trọng, Kim Lân đã dựng lên một chân dung bất hủ của văn học. Người vợ nhật chính là nạn nhân tiêu biểu nhất của nạn đói năm 1945, nạn đói đã làm nhòe mờ nhân cách, lòng tự trọng của nhân vật. Nhưng ẩn sâu trong con người ấy vẫn là một người phụ nữ đầy dịu dàng, nữ tính, biết vun vén và có khao khát hạnh phúc mãnh liệt, đồng thời cũng là người có niềm tin mãnh liệt vào tương lai.